TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/HS-ST
Ngày 23/7/2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Quách Thị Tuyết Mai.
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông Trần Đăng Thám.
+ Ông Phan Thành Tài.
- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Phan Văn Quốc – Thư ký Toà án nhân dân huyện T.
- ***Đại diện Viện kiểm sát huyện T tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 7 năm 2019 tại Hội trường Toà án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 38/2019/TLST- HS ngày 05 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Dương Thành L Tên gọi khác: Không
Giới tính: Nam;
Sinh ngày: 13/5/1992 tại Quế Minh, Quế Sơn, Quảng Nam;
Nơi ĐKHKTT: Tổ 14, thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam
Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không
Nghề nghiệp: Thợ hồ; Trình độ học vấn: 09/12
Họ tên cha: Dương Văn B SN: 1965
Họ tên mẹ: Nguyễn Thị Đ SN: 1964
Vợ: Trần Thị L SN: 1993
Bị cáo là con thứ ba trong gia đình có bốn anh chị em; Tiền án, tiền sự: Không.
Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt tại phiên toà.

** Người bị hại:* Nguyễn Quỳnh N, sinh năm 1980.
Trú tại: Phường H, Quận T, Tp. Hồ Chí Minh. Ủy quyền cho ông Bùi Ngọc N – Sinh năm 1956. Trú tại: Tổ 23, thôn Q, xã B, huyện T, Tỉnh Quảng Nam tham gia tố tụng, có mặt.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*
- Trần Thị L; sinh năm 1993.
Trú tại: Tổ 14, thôn L, xã Q, huyện Q, Quảng Nam. Vắng mặt.
- Dương Hùng Chương; sinh năm 1987.
Trú tại: Thôn 5, xã B, huyện T, Quảng Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ ngày 26/02/2019, Dương Thành L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 92K5-1729 (xe này của ông Trần Văn N, trú tại thôn A, xã B, huyện T, cha vợ của L) chở chị Trần Thị L (SN 1993, trú: Thôn A, xã B, huyện T, là vợ L) và cháu Trần Mạnh Q (sinh năm 2015, là con riêng của chị L) đi từ xã B, huyện T để về nhà của L tại xã Q, huyện Q. Khi đến đoạn ngã ba Cây Cốc thuộc thị trấn H, huyện T, tỉnh Q thì L gặp anh Nguyễn V (SN 1965, trú: Tổ 17, Thôn 3, xã B, huyện T), L và anh V rủ nhau đến quán nhậu T (do ông Bùi Ngọc N, sinh năm 1956 làm chủ) thuộc Tổ 23, thôn Q, xã B, huyện T để nhậu. Anh V đến quán trước và ngồi ở bàn phía trước sân của quán nhậu, L chở vợ và con đến sau. Khi đến quán, chị L và cháu Q ngồi vào bàn với anh V còn L vào phía trước hiên để gọi người ra bán nhưng không có ai trả lời, L quay lại bàn phía trước sân để ngồi thì thấy một chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7Plus, màu đỏ của chị Nguyễn Quỳnh N (SN 1980, trú: Phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh, là con dâu của ông N) đang để trên chồng ghế nhựa, cách vị trí bàn L đang ngồi khoảng 01 mét nên L nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại này. Anh V thấy quán không có người bán nên rủ L đi chỗ khác nhậu và điều khiển xe rời khỏi quán trước. L quan sát xung quanh thấy không có người trông coi nên lấy chiếc điện thoại của chị Nguyễn Quỳnh N bỏ vào bên trong túi áo khoác của L rồi điều khiển xe chở chị L và cháu Q rời khỏi quán. Đến chiều cùng ngày, L mang chiếc điện thoại Iphone 7Plus trộm được đến tiệm điện thoại di động C&T (địa chỉ: Tổ 5, thị trấn H, huyện T) của anh Dương Hùng C (sinh năm 1987, trú tại Thôn 5, xã B, huyện T) chạy lại phần mềm để sử dụng. Khi chạy xong phần mềm, anh C lấy 200.000 đồng nhưng L không có tiền trả nên đã bán điện thoại Iphone 7Plus cho anh C với giá 5.000.000 đồng. Sau khi trừ tiền 200.000 đồng chạy phần mềm, anh C đưa cho L số tiền 4.800.000 đồng. Số tiền này, L đã tiêu xài cá nhân hết.

Khi phát hiện bị mất chiếc điện thoại Iphone 7Plus đang sạc pin, chị Nguyễn Quỳnh N đã mở camera tại quán nhậu T để kiểm tra thì phát hiện L là người lấy trộm chiếc điện thoại di động của mình nên chị N đã báo cáo Cơ quan CSĐT Công an huyện T. Tại Cơ quan CSĐT Công an huyện T L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐG ngày 12/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T xác định giá trị của 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7Plus màu đỏ mà Dương Thành L chiếm đoạt của chị Nguyễn Quỳnh N là 6.990.000 đồng (Sáu triệu chín trăm chín mươi ngàn đồng y).

Tại bản cáo trạng số 34/CT-VKS ngày 30 tháng 5 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố Dương Thành L về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Dương Thành L về tội *"Trộm cắp tài sản"* và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, h, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS, xử

phạt Dương Thành L từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng, giao bị cáo về UBND xã Q, huyện Q giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách và buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

*** Về dân sự:** Bị cáo đã bồi thường cho bị hại được 2.000.000đồng (Hai triệu đồng). Căn cứ Điều 48 BLHS năm 2015, Điều 589 BLDS năm 2015 đề nghị HĐXX tuyên buộc Dương Thành L tiếp tục bồi thường cho chị Nguyễn Quỳnh N số tiền 4.990.000đồng (Bốn triệu chín trăm chín mươi ngàn đồng y).

*** Về vật chứng:** Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên thu giữ 01 (một) đĩa DVD-R chứa dữ liệu hình ảnh của vụ trộm cắp tài sản xảy ra ngày 26/02/2019 tại quán nhậu T ở Tổ 23, thôn Q, xã B, huyện T để lưu hồ sơ.

Đối với chiếc điện thoại Iphone 7Plus, sau khi anh C mua của L với số tiền 5.000.000 đồng, anh C đã bán lại cho một người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể nên không thể truy thu được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

{1} Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

{2} Về căn cứ buộc tội:

Bị cáo Dương Thành L khai nhận: Vào khoảng 10 giờ ngày 26/02/2019, tại quán nhậu T thuộc Tổ 23, thôn Q, xã B, huyện T, Dương Thành L đã trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7Plus, màu đỏ của chị Nguyễn Quỳnh N. Giá trị tài sản mà Dương Thành L chiếm đoạt là 6.990.000 đồng (Sáu triệu chín trăm chín mươi ngàn đồng y).

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, những người làm chứng, biên bản sự việc và vật chứng thu giữ được. Như vậy hành vi lén lút trộm cắp một chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7Plus, màu đỏ có giá trị 6.990.000 đồng của Dương Thành L đã phạm tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 của BLHS.

{3} Xét tính chất hành vi: Xét về tính chất hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương.

{4} Xét mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Không có tình tiết tăng nặng;

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, bị cáo tự nguyện khắc phục một phần hậu quả nên bị cáo được hưởng 04 tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, h, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xét nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; xuất thân trong gia đình là nhân dân lao động, hoàn cảnh khó khăn.

{5} Về hình phạt:

Căn cứ vào tính chất hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo xét thấy bị cáo có đủ các điều kiện hưởng án treo và xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội nên áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục là thỏa đáng.

{6} Về dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho bị hại được 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Căn cứ Điều 48 BLHS năm 2015, Điều 589 BLDS năm 2015 tuyên buộc Dương Thành L phải bồi thường thêm cho chị Nguyễn Quỳnh N số tiền là 4.990.000 đồng.

{7} Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên thu giữ 01 (một) đĩa DVD-R chứa dữ liệu hình ảnh của vụ trộm cắp tài sản xảy ra ngày 26/02/2019 tại quán nhậu T ở Tổ 23, thôn Q, xã B, huyện T để lưu hồ sơ.

Bị cáo Dương Thành L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Dương Thành L phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

2. Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Dương Thành L 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Dương Thành L về UBND xã Q, huyện Q, Tỉnh Quảng Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo qui định của Luật Thi hành án Hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án Hình sự.

3. Về dân sự: Căn cứ Điều 48 BLHS năm 2015, Điều 589 BLDS năm 2015 tuyên buộc Dương Thành L phải bồi thường cho chị Nguyễn Quỳnh N số tiền là 4.990.000 đồng (Bốn triệu chín trăm chín mươi ngàn đồng y).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không bồi thường xong số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi qui định tại Điều 468 BLDS 2015.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên thu giữ 01 (một) đĩa DVD-R chứa dữ liệu hình ảnh của vụ trộm cắp tài sản xảy ra ngày 26/02/2019 tại quán nhậu T ở Tổ 23, thôn Q, xã B, huyện T để lưu hồ sơ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

(Đã giải thích chế định án treo)

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam
-VKS nhân dân tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện T.
- THADS huyện T.
- Những người TGTT.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký, đóng dấu)

Quách Thị Tuyết Mai